

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của
Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Giang**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 57/2024/TT-BTC ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và hoạt động chôn lấp chất thải tại Quỹ Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BTC ngày 28/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan tài chính địa phương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 02/11/2010 của UBND tỉnh về việc thành lập Quỹ Bảo vệ môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của UBND tỉnh về việc giao Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh nhận ủy thác quản lý nguồn vốn, hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 652/TTr-STNMT ngày 19/12/2024; ý kiến của các thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bắc Giang; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố; các thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát Quỹ Bảo vệ môi trường; Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (báo cáo);
- Q. CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TPKTTH, TTTT, TH;
 - + Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Thế Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Giang
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2024
của UBND tỉnh Bắc Giang)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Giang (sau đây gọi tắt là Quỹ).

Điều 2. Tên gọi, nơi đặt trụ sở

1. Tên gọi của Quỹ:

a) Tên gọi đầy đủ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Giang.

b) Tên viết tắt: BGEPPF.

c) Tên giao dịch quốc tế: Bac Giang Environment Protection Fund.

2. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, 5 Tòa nhà Trụ sở làm việc các đơn vị sự nghiệp của các Sở, ngành, đường Quách Nhẫn, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và chức năng của Quỹ

1. Quỹ là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, do Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang (sau đây viết tắt là UBND tỉnh) quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản, hạch toán độc lập, có vốn điều lệ.

3. Người đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật là Giám đốc Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ (sau đây gọi tắt là Giám đốc Quỹ).

4. Thực hiện chức năng tiếp nhận, huy động vốn; nhận ký quỹ bảo vệ môi trường; cho vay ưu đãi các chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 4. Nguyên tắc và mục đích hoạt động

1. Nguyên tắc hoạt động: Tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước.

2. Mục đích: Quỹ hoạt động nhằm mục đích cho vay ưu đãi các chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; nhận ký quỹ bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản, chôn lấp chất thải và nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất trong phạm vi tỉnh Bắc Giang.

CHƯƠNG II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 5. Nhiệm vụ của Quỹ

1. Tiếp nhận nguồn vốn theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh và UBND tỉnh; quản lý, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Huy động các nguồn tài chính từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để tạo nguồn vốn đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

3. Nhận ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản, ký quỹ bảo vệ môi trường trong hoạt động chôn lấp chất thải và trong hoạt động nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất trong phạm vi tỉnh Bắc Giang.

4. Cho vay với lãi suất ưu đãi các chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

5. Chấp hành các quy định của Nhà nước về quản lý tài chính, tài sản, kế toán, kiểm toán và các quy định khác liên quan đến hoạt động của Quỹ.

6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định; báo cáo đột xuất về tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn của Quỹ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 6. Quyền hạn của Quỹ

1. Tổ chức quản lý, điều hành Quỹ hoạt động theo đúng mục tiêu và nhiệm vụ được giao.

2. Ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ theo quy định của pháp luật để điều hành hoạt động của Quỹ.

3. Thẩm định các chương trình, dự án về bảo vệ môi trường được đề nghị vay vốn với lãi suất ưu đãi của Quỹ theo quy định; các chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu từ nguồn vốn tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện, ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

4. Kiểm tra theo quy định đối với các tổ chức sử dụng vốn của Quỹ trong việc triển khai các chương trình, dự án, hoạt động về bảo vệ môi trường. Quỹ xử lý

theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xử lý vi phạm của tổ chức trong việc quản lý và sử dụng vốn từ Quỹ.

5. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Quỹ được lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn về tài chính, môi trường và cơ quan chuyên môn khác có liên quan khi cần thiết. Trong trường hợp dự án phức tạp, Quỹ được thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định một phần hoặc toàn bộ các dự án sử dụng vốn của Quỹ.

6. Được lựa chọn các dự án có hiệu quả, an toàn thuộc đối tượng quy định tại Điều lệ này để cho vay ưu đãi, tài trợ, hỗ trợ.

7. Từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về cung cấp thông tin và các nguồn lực khác của Quỹ nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

8. Các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG III CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 7. Mô hình hoạt động và cơ cấu tổ chức

1. Mô hình hoạt động: Ủy thác quản lý Quỹ cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh. Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh chịu trách nhiệm về hoạt động của Quỹ theo quy định tại Điều lệ này, Quyết định ủy thác của UBND tỉnh và pháp luật có liên quan.

2. Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm:

- a) Hội đồng quản lý Quỹ.
- b) Ban kiểm soát Quỹ.
- c) Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ.

Điều 8. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ (sau đây gọi tắt là HĐQT Quỹ) có 07 thành viên, gồm: Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và các thành viên khác.

- a) Chủ tịch HĐQT Quỹ là lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường.
- b) Phó Chủ tịch HĐQT Quỹ là lãnh đạo Sở Tài chính và Giám đốc Quỹ.
- c) Các thành viên khác là Lãnh đạo các cơ quan: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bắc Giang.
- d) Thành viên của HĐQT Quỹ không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

2. Thành viên HĐQT Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm; được hưởng chế độ phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định của pháp luật. Việc bổ nhiệm, thay đổi thành viên HĐQT Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT Quỹ

1. Quản lý và sử dụng nguồn vốn của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ này; bảo toàn và phát triển vốn. Trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bổ sung vốn điều lệ của Quỹ theo quy định.
2. Ban hành hoặc sửa đổi quy chế cho vay và các quy chế khác theo quy định của pháp luật; phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT Quỹ.
3. Giám sát, kiểm tra Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ trong việc chấp hành chính sách, pháp luật và việc thực hiện các quyết định của HĐQT Quỹ.
4. Phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ.
5. Ban hành danh mục các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước làm căn cứ lựa chọn gửi tiền ký quỹ, nguồn vốn hoạt động của Quỹ.
6. Phê duyệt danh mục lĩnh vực ưu tiên, tiêu chí lựa chọn chương trình, dự án cho vay ưu đãi. Quyết định khung lãi suất cho vay ưu đãi.
7. Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát.
8. Trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.
9. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các thành viên của Ban kiểm soát.
10. Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của HĐQT Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch UBND tỉnh và pháp luật.
11. Được sử dụng con dấu và cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT Quỹ.
12. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 10. Chế độ làm việc của HĐQT Quỹ

1. HĐQT Quỹ làm việc theo chế độ tập thể thông qua tổ chức họp hoặc xin ý kiến thành viên bằng văn bản để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của HĐQT Quỹ. Việc tổ chức họp hay xin ý kiến thành viên bằng văn bản do Chủ tịch HĐQT Quỹ quyết định.
2. Các cuộc họp của HĐQT Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Trường hợp không tổ chức họp, việc lấy ý kiến thành viên HĐQT Quỹ được thực hiện bằng văn bản.
3. Các kết luận của HĐQT Quỹ được thể hiện bằng nghị quyết hoặc quyết định của HĐQT Quỹ.
4. HĐQT Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên HĐQT Quỹ có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của HĐQT Quỹ có hiệu lực khi có trên 50% trong tổng số thành viên HĐQT Quỹ quản lý biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có

ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT Quỹ hoặc người chủ trì cuộc họp HĐQT Quỹ (trong trường hợp biểu quyết tại cuộc họp).

Điều 11. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát giúp HĐQT Quỹ kiểm soát hoạt động của Quỹ. Ban kiểm soát có 03 thành viên, gồm đại diện công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính và Trưởng Ban kiểm soát Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh. Thành viên Ban kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Thành viên Ban kiểm soát được hưởng chế độ phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định của pháp luật. Việc bổ nhiệm, thay đổi thành viên Ban kiểm soát do HĐQT Quỹ quyết định.

2. Các thành viên Ban kiểm soát thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban và pháp luật về những nhiệm vụ đã được phân công.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành chính sách pháp luật, Điều lệ này, các quy chế, quy trình của Quỹ.

2. Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực của HĐQT Quỹ, Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.

3. Thẩm định báo cáo tài chính của Quỹ theo quy định của pháp luật.

4. Lập kế hoạch hoạt động, trình HĐQT Quỹ phê duyệt; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác kiểm tra, giám sát.

5. Thực hiện nhiệm vụ khác do HĐQT Quỹ giao.

Điều 13. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể, kết hợp với trách nhiệm của từng thành viên. Thành viên Ban kiểm soát được chủ động kiểm tra theo nhiệm vụ đã được Trưởng Ban phân công. Thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm về nhiệm vụ được giao trước HĐQT Quỹ và Trưởng Ban.

2. Giám sát là biện pháp kiểm tra chủ yếu được Ban kiểm soát thực hiện thường xuyên nhằm ngăn ngừa, phát hiện và kịp thời kiến nghị xử lý các vi phạm chế độ, chính sách và vi phạm các Quy chế, Điều lệ của Quỹ. Việc giám sát theo hai hình thức trực tiếp và gián tiếp.

3. Kiểm tra định kỳ

Hàng năm, trên cơ sở báo cáo tài chính và báo cáo khác, Ban kiểm soát có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp, phát hiện sai sót trong quá trình hoạt động của Quỹ đề nghị Giám đốc Quỹ khắc phục kịp thời.

Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ. Việc thẩm định được hiểu là việc xem xét tính chất hợp lý, hợp lệ của báo cáo theo cơ chế quản lý tài chính của Bộ Tài chính.

4. Kiểm tra đột xuất

Đối với những việc cần kiểm tra đột xuất để phát hiện sớm sai sót giúp Quỹ khắc phục kịp thời, Trưởng Ban kiểm soát đề nghị HĐQT Quỹ quyết định thời điểm và nội dung tiến hành kiểm tra.

5. Đối tượng kiểm tra có quyền giải trình trong quá trình kiểm tra. Trường hợp chưa nhất trí với nội dung kết luận của Ban kiểm soát thì được ghi rõ ý kiến của mình trong biên bản kiểm tra để Ban kiểm soát báo cáo HĐQT Quỹ.

6. Kết quả kiểm tra của Ban kiểm soát phải thể hiện bằng văn bản do Trưởng Ban kiểm soát ký. Các kiến nghị của Ban kiểm soát trước khi trình HĐQT Quỹ, phải được bàn bạc thống nhất trong Ban kiểm soát.

Điều 14. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ là cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh. Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng được hưởng chế độ phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ:

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định tại Điều lệ này, các quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các nghị quyết, quyết định của HĐQT Quỹ.

b) Tham mưu HĐQT Quỹ ban hành quy chế cho vay và các quy chế khác theo quy định pháp luật.

c) Tham mưu HĐQT Quỹ phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ.

d) Tổng hợp, xây dựng danh mục các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trình HĐQT Quỹ phê duyệt.

đ) Xây dựng danh mục lĩnh vực ưu tiên, tiêu chí lựa chọn chương trình dự án, khung lãi suất cho vay ưu đãi trình HĐQT Quỹ phê duyệt.

e) Tham mưu HĐQT Quỹ báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

g) Trực tiếp quản lý nguồn vốn hoạt động của Quỹ.

h) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 15. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ gồm:

a) Vốn chủ sở hữu

- Vốn điều lệ

Vốn điều lệ tối thiểu của Quỹ là 30 tỷ đồng. Lộ trình tăng vốn điều lệ như sau: Năm 2025 bổ sung 10 tỷ đồng; năm 2026 bổ sung 10 tỷ đồng.

Vốn điều lệ được hình thành từ các nguồn sau: Vốn điều lệ đã được ngân sách nhà nước cấp (vốn điều lệ hiện nay của Quỹ là 10 tỷ đồng) và ngân sách nhà nước cấp từ nguồn đầu tư công theo quy định của pháp luật. Việc thay đổi vốn điều lệ của Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

- Vốn khác thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật.

b) Vốn khác

- Các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện, ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dành cho lĩnh vực bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ được gửi tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước theo danh mục được HĐQT Quỹ phê duyệt.

Điều 16. Hoạt động cho vay với lãi suất ưu đãi

1. Xây dựng danh mục lĩnh vực ưu tiên, tiêu chí lựa chọn cho vay

a) Căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm, tình hình thực tế của địa phương và quy mô hoạt động của Quỹ, hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ lập danh mục lĩnh vực ưu tiên, tiêu chí lựa chọn cho vay các chương trình, dự án vay ưu đãi trình HĐQT Quỹ phê duyệt.

b) Trên cơ sở đề xuất của Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ, HĐQT Quỹ xem xét, quyết định ban hành danh mục lĩnh vực ưu tiên, tiêu chí lựa chọn cho vay các chương trình, dự án vay ưu đãi của Quỹ. Trường hợp có nhu cầu bổ sung hoặc điều chỉnh danh mục lĩnh vực ưu tiên, tiêu chí lựa chọn cho vay ưu đãi của Quỹ, HĐQT Quỹ xem xét, quyết định.

2. Đối tượng và điều kiện cho vay:

a) Khách hàng vay vốn tại Quỹ là tổ chức có tư cách pháp nhân, có năng lực pháp luật dân sự và các cá nhân từ đủ 18 tuổi trở lên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, đáp ứng điều kiện có dự án thuộc danh mục lĩnh vực ưu tiên đã được HĐQT Quỹ phê duyệt.

b) Điều kiện cho vay: khách hàng thuộc đối tượng cho vay quy định tại điểm a khoản này; dự án vay vốn được Quỹ thẩm định, đánh giá là có hiệu quả, khách hàng có khả năng trả được nợ vay; dự án vay vốn tuân thủ quy định pháp luật về đầu tư; khách hàng mua bảo hiểm tài sản tại một doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam đối với tài sản bảo đảm tiền vay thuộc đối tượng bắt buộc mua bảo hiểm.

3. Thời hạn cho vay:

Thời hạn cho vay đối với từng dự án trên cơ sở kết quả thẩm định, khả năng thu hồi vốn của dự án, khả năng trả nợ của khách hàng nhưng tối đa không quá 10 năm.

4. Lãi suất cho vay:

a) Lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ được xác định theo nguyên tắc bảo đảm bù đắp chi phí quản lý, chi phí trích lập dự phòng rủi ro cho vay và các chi phí khác liên quan đến hoạt động cho vay. Lãi suất cho vay tối đa của Quỹ không vượt quá 50% mức lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước do cơ quan có thẩm quyền công bố tại thời điểm vay.

b) Định kỳ hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ tính toán đề xuất khung lãi suất cho vay theo quy định tại điểm a khoản này trình HĐQT Quỹ xem xét, quyết định ban hành.

c) Lãi suất cho vay đối với từng dự án cụ thể do Giám đốc Quỹ quyết định trên cơ sở thương thảo với đơn vị vay vốn, đảm bảo lãi suất cho vay nằm trong khung lãi suất cho vay đã được HĐQT Quỹ ban hành.

d) Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn ghi trong hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường, được tính trên số nợ gốc và lãi chậm trả.

5. Bảo đảm tiền vay:

a) Tùy thuộc vào từng dự án cụ thể, Giám đốc Quỹ xem xét, sử dụng các biện pháp bảo đảm tiền vay theo quy định pháp luật về bảo đảm tiền vay.

b) Quỹ được xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định pháp luật và hợp đồng tín dụng ký giữa Quỹ và khách hàng vay vốn.

6. Giới hạn cho vay:

a) Mức vốn vay của một dự án không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và không vượt quá 15% vốn điều lệ của Quỹ.

b) Căn cứ vào giá trị của tài sản thế chấp, cầm cố đã được định giá và nguồn vốn cho vay của Quỹ để xác định số tiền cho vay. Số tiền cho vay tối đa bằng 70% giá trị tài sản thế chấp, cầm cố đã được xác định và ghi trên hợp đồng tín dụng dự án đầu tư về bảo vệ môi trường.

7. Thẩm quyền quyết định cho vay:

Giám đốc Quỹ quyết định cho vay và chịu trách nhiệm trước HĐQT Quỹ, UBND tỉnh và trước pháp luật.

8. Phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng rủi ro và xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay:

a) Quỹ thực hiện phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng rủi ro và xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay theo quy định pháp luật đối với ngân hàng thương mại.

b) Các trường hợp xem xét xử lý rủi ro:

- Khách hàng bị thiệt hại về tài chính, tài sản do thiên tai, mất mùa, dịch bệnh, hỏa hoạn, rủi ro chính trị, chiến tranh gây ra ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, dẫn đến khách hàng không trả được nợ (lãi, gốc) đúng hạn theo hợp đồng vay đã ký.

- Khách hàng bị phá sản theo quy định pháp luật hiện hành.

- Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng, dẫn đến khách hàng không trả được nợ (lãi, gốc) đúng hạn theo hợp đồng vay đã ký.

- Khách hàng gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh, dẫn đến khách hàng không trả được nợ (lãi, gốc) đúng hạn theo hợp đồng vay đã ký.

- Khách hàng có khoản nợ xấu theo kết quả phân loại nợ của Quỹ.

c) Quỹ thành lập Hội đồng để xử lý rủi ro. Thành phần Hội đồng xử lý rủi ro bao gồm 01 thành viên HĐQT Quỹ làm Chủ tịch; 01 thành viên là Giám đốc Quỹ; 01 thành viên là trưởng bộ phận có chức năng quản lý rủi ro và tối thiểu 02 thành viên khác do HĐQT Quỹ quyết định.

d) Trường hợp sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, tối thiểu sau 05 năm, kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và đã thực hiện tất cả các biện pháp xử lý rủi ro để thu hồi nợ nhưng không thu hồi được, Quỹ được xuất toán nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng nếu có đủ hồ sơ chứng minh đã thực hiện mọi biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu được nợ và được UBND tỉnh chấp thuận trên cơ sở đề nghị của HĐQT Quỹ.

đ) HĐQT Quỹ ban hành Quy chế xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay của Quỹ. Quy chế xử lý rủi ro bao gồm các nội dung cơ bản sau: nguyên tắc xử lý rủi ro; các trường hợp, biện pháp xử lý rủi ro; hồ sơ, trình tự, thủ tục sử dụng dự phòng rủi ro; quy trình xử lý rủi ro và thẩm quyền quyết định xử lý rủi ro.

9. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và bán nợ:

a) Quỹ xem xét, quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ gồm điều chỉnh kỳ hạn trả nợ và gia hạn nợ trên cơ sở đề nghị của khách hàng, khả năng tài chính của Quỹ và kết quả đánh giá của Quỹ về khả năng trả nợ của khách hàng. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ phải đảm bảo thời hạn cho vay sau khi cơ cấu lại đáp ứng đúng quy định về thời hạn cho vay theo quy định tại khoản 3 Điều này.

b) Quỹ được bán nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay. Trường hợp bán nợ với giá thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản nợ do UBND tỉnh xem xét, quyết định.

c) Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và bán nợ của Quỹ thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với tổ chức tín dụng.

d) HĐQT Quỹ ban hành Quy chế quy định rõ về quy trình, thẩm quyền, các trường hợp cơ cấu lại thời hạn trả nợ và bán nợ.

Điều 17. Nhận ký quỹ bảo vệ môi trường

1. Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Giang là nơi tiếp nhận tiền ký quỹ trong các trường hợp: ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản; ký quỹ bảo vệ môi trường trong hoạt động chôn lấp chất thải và trong hoạt động nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Tiếp nhận và quản lý tiền ký quỹ

a) Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh có trách nhiệm mở tài khoản riêng tại các ngân hàng thương mại đã được HĐQT Quỹ ban hành để theo dõi tiền ký quỹ của tổ chức, cá nhân.

b) Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh kiểm tra chính xác của khoản tiền ký quỹ và cấp giấy xác nhận đã ký quỹ cho tổ chức, cá nhân.

c) Tiền ký quỹ được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO CỦA QUỸ

Điều 18. Chế độ tài chính và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ

1. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Chế độ tài chính của Quỹ thực hiện theo quy định đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 19. Các khoản thu, chi của quỹ

1. Các khoản thu gồm:

a) Lãi thu được từ hoạt động cho vay ưu đãi của Quỹ.

b) Lãi tiền gửi theo quy định của pháp luật.

c) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản chi gồm:

a) Chi trả tiền lãi ký quỹ của các tổ chức, cá nhân ký quỹ bảo vệ môi trường tại Quỹ.

b) Các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

c) Chi trả phí ủy thác: chi phí ủy thác quản lý nguồn vốn và hoạt động của Quỹ phải trả cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh là toàn bộ khoản thu quy định tại khoản 1 Điều này sau khi trừ đi các khoản chi quy định tại điểm a, b khoản này.

d) Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh có trách nhiệm chi trả toàn bộ các khoản chi của Quỹ theo quy định của pháp luật.

3. Không sử dụng vốn điều lệ của Quỹ để chi cho các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Quỹ có trách nhiệm quyết toán các khoản thu, chi của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Chế độ kế toán, kiểm toán, báo cáo

1. Quỹ thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán áp dụng cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính.

2. Hằng năm, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ báo cáo kết quả quản lý nguồn vốn và hoạt động của Quỹ với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, HDQL Quỹ.

Báo cáo tài chính năm của Quỹ được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI MỐI QUAN HỆ VÀ TRÁCH NHIỆM

Điều 21. Mối quan hệ và trách nhiệm giữa Quỹ Bảo vệ môi trường với các cơ quan quản lý nhà nước

1. Với UBND tỉnh

a) Là mối quan hệ chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh giao thuộc chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Quỹ.

b) Quỹ có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ định kỳ hoặc đột xuất theo quy định.

2. Với Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Là mối quan hệ phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường và đơn vị chuyên môn nghiệp vụ thực thi các chính sách, quy định về bảo vệ môi trường.

b) Quỹ có trách nhiệm báo cáo, đề xuất, kiến nghị với Sở Tài nguyên và Môi trường các vấn đề liên quan đến hoạt động của Quỹ thuộc thẩm quyền của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường.

3. Với các Sở, ban, ngành liên quan

a) Là mối quan hệ phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của mỗi bên trên tinh thần hợp tác nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao, phục vụ sự phát triển chung của tỉnh.

b) Quỹ có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của các cơ quan đơn vị đối với các nội dung công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Quỹ chịu sự kiểm tra, giám sát của một số cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động của Quỹ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 22. Mối quan hệ và trách nhiệm giữa HĐQT Quỹ, Ban kiểm soát, Giám đốc Quỹ trong điều hành quản lý hoạt động của Quỹ

1. HĐQT Quỹ trực tiếp lãnh đạo mọi mặt hoạt động của Quỹ để đạt được mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ do UBND tỉnh giao thông qua việc ban hành các quy chế, quy định theo thẩm quyền và phê duyệt danh mục lĩnh vực ưu tiên, tiêu chí lựa chọn chương trình, dự án cho vay, quyết định khung lãi suất cho vay theo năm hoặc từng giai đoạn. Phương thức lãnh đạo bằng Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Quỹ hoặc ủy quyền cho Giám đốc Quỹ trong điều hành các nhiệm vụ cụ thể. Giám đốc Quỹ phải thường xuyên báo cáo, xin ý kiến về các vấn đề cụ thể theo Quy chế làm việc của HĐQT Quỹ, tham mưu cho HĐQT Quỹ chuẩn bị nội dung và tổ chức các phiên họp của HĐQT Quỹ, tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Quỹ.

2. Hoạt động của Quỹ chịu sự kiểm tra, giám sát thường xuyên và định kỳ của Ban kiểm soát Quỹ. Giám đốc Quỹ phải chủ động cung cấp đầy đủ các báo cáo, hồ sơ, chứng từ một cách kịp thời, minh bạch theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Tại các phiên họp thường kỳ của HĐQT Quỹ, có sự tham dự của Ban kiểm soát Quỹ. Giám đốc Quỹ phải kịp thời tổ chức thực hiện nghiêm túc các kiến nghị sau kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát Quỹ.

Điều 23. Mối quan hệ giữa Quỹ Bảo vệ môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan trực tiếp với Quỹ

1. Đối với các tổ chức, cá nhân ký quỹ

Là mối quan hệ giữa Nhà nước và các tổ chức, cá nhân trong hoạt động bảo vệ môi trường. Thông qua Quỹ Bảo vệ môi trường, các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ ký quỹ bảo vệ môi trường khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép triển khai các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Đối với các tổ chức, cá nhân vay vốn

Các tổ chức, cá nhân vay vốn ưu đãi tại Quỹ là khách hàng trong đối tượng phục vụ của Quỹ. Quỹ phải thường xuyên gắn kết, phổ biến thông tin kịp thời về các quy định, các cơ chế, chính sách, kế hoạch cho vay... để các tổ chức, cá nhân vay vốn được biết và phối hợp thực hiện. Quá trình vay vốn ưu đãi phải thực hiện

theo đúng các quy định trong Điều lệ này và pháp luật có liên quan. Quỹ kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả. Kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý nếu phát hiện tổ chức, cá nhân được vay vốn ưu đãi vi phạm quy định về sử dụng vốn và hoàn trả vốn vay.

CHƯƠNG VII GIẢI THỂ QUỸ

Điều 24. Giải thể Quỹ

Việc giải thể Quỹ được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan tham mưu với UBND tỉnh việc tổ chức lại, giải thể Quỹ.

CHƯƠNG VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, ban, ngành có liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động của Quỹ có trách nhiệm giúp UBND tỉnh chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, sử dụng Quỹ đúng quy định.

2. Các tổ chức, cá nhân ký quỹ bảo vệ môi trường và các tổ chức, cá nhân vay vốn ưu đãi tại Quỹ có trách nhiệm phối hợp với Quỹ thực hiện nghiêm túc các quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

3. Các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ chưa được quy định tại Điều lệ này thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc phát sinh, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo HĐQT Quỹ đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ cho phù hợp với yêu cầu thực tế và các quy định hiện hành của pháp luật./.